

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/DS-PT

Ngày: 15-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hoàng B, sinh năm 1989, cư trú tại: Ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1947;

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1949;

Cùng cư trú tại: Ấp T, xã P, huyện Đ1, tỉnh Bến Tre.

- Người kháng cáo: Anh Phạm Hoàng B là nguyên đơn; ông Nguyễn Văn

R và bà Nguyễn Thị M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Hoàng B trình bày:

Ngày 04/02/2017, anh có cho ông R và bà M vay số tiền là 1.300.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng sẽ thanh toán toàn bộ gốc và lãi cho anh vào ngày 04/3/2017, khi vay tiền hai bên không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng với nhau, anh đã giao đầy đủ số tiền nêu trên cho ông R và bà M. Sau khi đến thời hạn thanh toán anh có đến yêu cầu bà M, ông R trả tiền nhưng ông bà nói với anh là không có khả năng thanh toán. Đến ngày 04/6/2019, hai bên chốt lại số nợ cả gốc và lãi không đóng thì ông R, bà M còn nợ anh số tiền là 2.400.000.000 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 1.300.000.000 đồng mượn ban đầu, và tiền lãi là 3%/tháng không đóng là 1.100.000.000 đồng, có lập tờ giấy mượn nợ ngày 04/6/2019, ông R và bà M có ký tên vào biên bản nhận nợ này, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Xuân H và Phạm Văn V.

Khi hai bên chốt nợ hai bên thỏa thuận bà M, ông R có nghĩa vụ đóng lãi hàng tháng với lãi suất 3% trên số tiền nợ là 2.400.000.000 đồng và ngày thanh toán số tiền gốc là ngày 15/9/2019. Nhưng sau đó bà M, ông R cũng không đóng lãi cũng như trả lại số tiền mà hai bên đã ký giấy nợ trước đó. Kể từ thời điểm vay số tiền 1.300.000.000 đồng đến nay ông R, bà M không có đóng cho anh bất kỳ một khoản lãi nào.

Trước đây anh yêu cầu bà M, ông R phải trả cho anh số tiền đã vay là 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/6/2019 đến khi giải quyết kết thúc vụ án với lãi suất là 1,66%/ tháng, trả một lần. Nay anh thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, anh khởi kiện yêu cầu ông R, bà M phải trả cho anh số tiền vốn gốc là 1.300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi là 1,66%/tháng tính từ ngày 04/3/2017 đến khi xét xử. Tổng cộng vốn và lãi anh yêu cầu ông R, bà M phải trả cho anh là 2.098.644.000 đồng (Hai tỉ không trăm chín mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:

Ông B trình bày tại thời điểm vay lần đầu 1.300.000.000 đồng là vào ngày 04/2/2017 là không đúng mà vay số tiền này vào ngày 04/6/2018, với lãi suất thỏa thuận là 8%/tháng chứ không phải là 3%/tháng như ông B trình bày, vay nhằm mục đích sản xuất trong gia đình là để nuôi tôm, hai vợ chồng ông cùng đứng ra vay số tiền này. Thời hạn vay không nói rõ cụ thể mà chỉ nói là nuôi

tôm lời rồi sẽ trả số tiền này. Khi vay tiền hai bên chỉ thỏa thuận miệng nên không có làm giấy tờ, sau khi vay thì do vợ chồng ông nuôi tôm thua lỗ nên không có khả năng thanh toán cả gốc và lãi cho ông B, sự việc kéo dài thì đến ngày 04/6/2019 thì ông B có lập tờ giấy nợ với số nợ là 2.400.000.000 đồng tuy nhiên ông có ghi rõ trong giấy nợ là 1.300.000.000 đồng tiền vốn gốc và 1.100.000.000 đồng là tiền lãi của số nợ nêu trên với lãi suất là 8%. Ông thống nhất tờ giấy mượn tiền ngày 04/6/2019 chữ ký R và chữ ký M là của vợ chồng ông, chữ viết phía dưới: “Gốc 1,3 tỷ, lãi 1,1 tỷ, Tc 2,4 (hai tỷ tư)” là chữ viết của ông, khi ký là sự tự nguyện của vợ chồng không ai ép buộc.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý trả cho ông B số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng), trả làm 04 lần trong thời hạn một năm, còn về tiền lãi ông thống nhất đóng lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước kể từ thời điểm vay số tiền 1.300.000.000 đồng là vào ngày 04/6/2018 cho đến khi kết thúc vụ án.

Kể từ thời điểm vay 1.300.000.000 đồng của ông B ngày 4/6/2018 cho đến hôm nay ông chưa đóng bất kỳ khoản lãi nào cho ông B. Theo yêu cầu giao nộp chứng cứ của Tòa án số 01/2020/QĐCCTLCC ngày 30/01/2020 thì đến hôm nay ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh thời điểm vay 1.300.000.000 đồng là ngày 04/6/2018 và số lãi 1.100.000.000 đồng trong giấy mượn nợ ngày 04/6/2019 là được tính bằng lãi suất là 8%.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M thống nhất với phần trình bày của ông R, không có ý kiến bổ sung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của anh Phạm Hoàng B đối với bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn R.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn R phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Hoàng B số tiền 1.761.812.000 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi một triệu tám trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó tiền vốn là 1.300.000.000 đồng; tiền lãi là 461.812.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/3/2020 nguyên đơn anh Phạm Hoàng B và bị đơn ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị M kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Anh Phạm Hoàng B yêu cầu sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm xác định thời gian và tính lãi suất vay tiền là từ ngày 04/2/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn R, bà Nguyễn Thị M yêu cầu sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm xác định mức lãi suất tiền vay là 0,83%/tháng và yêu cầu được trả dần số tiền vốn 1.300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng các bên đương sự thống nhất trình bày anh Phạm Hoàng B có cho ông R, bà M vay số tiền 1.300.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi hàng tháng nhưng từ khi vay đến nay ông R, bà M chưa thực hiện trả lãi cho anh B và cũng chưa trả tiền vốn gốc nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông R, bà M phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn gốc 1.300.000.000 đồng cho anh B là phù hợp.

[2] Đối với lãi suất vay và ngày vay tiền các bên trình bày không thống nhất. Nguyên đơn cho rằng cho vay ngày 04/02/2017 với lãi suất 3%/ tháng, trong khi bị đơn trình bày vay ngày 04/6/2018 với lãi suất 8%/tháng.

Qua đó, nếu ngày vay tiền là ngày 04/02/2017 với lãi suất 3%/ tháng đến ngày lập tờ giấy mượn tiền ngày 04/6/2019 (để xác định nợ gốc và lãi cộng dồn vào vốn gốc) thì: $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 3\%/\text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 1.092.000.000 \text{ đồng}$, như vậy tiền gốc 1.300.000.000 đồng + tiền lãi 1.092.000.000 đồng = 2.392.000.000 đồng (chênh lệch so với số tiền khi chốt nợ là 8.000.000 đồng);

- Nếu ngày vay là 04/6/2018 với lãi suất 8%/ tháng đến ngày lập tờ giấy nợ ngày 04/6/2019 thì: $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 8\%/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 1.248.000.000 \text{ đồng}$, như vậy tiền gốc 1.300.000.000 đồng + tiền lãi 1.248.000.000 đồng = 2.548.000.000 đồng (chênh lệch so với số tiền khi chốt nợ là 148.000.000 đồng).

Căn cứ, tờ giấy nợ lập ngày 04/6/2019 có chữ ký của bên cho vay anh Phạm Hoàng B và chữ ký của bên vay là bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn R

thì cả hai bên thừa nhận số tiền vốn gốc mà ông B cho ông R, bà M vay là 1.300.000.000 đồng, còn 1.100.000.000 đồng là tiền lãi, như vậy qua đối chiếu lời trình bày của hai bên đương sự thì lời trình bày của nguyên đơn về thời gian vay và lãi suất vay có chênh lệch thấp nhất, phù hợp với số tiền lãi phát sinh khi vay tiền nên có căn cứ xác định thời gian anh B cho ông R, bà M vay tiền là ngày 04/02/2017 với lãi suất 3%/ tháng (lãi suất này cũng phù hợp với sự thỏa thuận trong tờ giấy nợ lập ngày 04/6/2019).

[3] Tuy nhiên, mức lãi suất các bên thỏa thuận là 8% hay 3%/tháng đều quá cao so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên cần tính lãi lại cho phù hợp. Theo Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định lãi suất các bên tự thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Do đó cần điều chỉnh lại khoản tiền lãi cho phù hợp là 1,66%/tháng. Do đó, yêu cầu tính lãi suất theo quy định Ngân hàng Nhà nước của ông R, bà M là tính 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[4] Như vậy, số tiền vay 1.300.000 đồng thời điểm vay từ ngày 04/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 16/3/2020 là 37 tháng 12 ngày, tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đồng ý xác định thời gian tính lãi chẵn là 37 tháng với mức lãi suất là 1,66%/tháng. Cụ thể: $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 37 \text{ tháng} = 798.460.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà bà M, ông R có nghĩa vụ trả cho anh B là $1.300.000.000 \text{ đồng} + 798.460.000 \text{ đồng} = 2.098.460.000 \text{ đồng}$.

[5] Đối với yêu cầu xin trả dần tiền nợ của bà M và ông R nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý nên Tòa án không có cơ sở để ghi nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, đề nghị của Kiểm sát viên là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn R là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho ông Phạm Hoàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.593.600 đồng theo biên lai thu số 0007860 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; do bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn R là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho ông Phạm Hoàng B tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010680 cùng ngày 31/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Hoàng B;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn R.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 353, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Hoàng B đối với bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn R về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn R phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Hoàng B số tiền 2.098.460.000 đồng (hai tỷ không trăm chín mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó tiền vốn là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng); tiền lãi là 798.460.000 đồng (bảy trăm chín mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn R là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho ông Phạm Hoàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.593.600 đồng (bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm đồng) theo biên lai thu số 0007860 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Văn R là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho ông Phạm Hoàng B tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010680 cùng ngày 31/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng

